



Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 5 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị
(“*HDQT*”)

Ông Danny Le

Chủ tịch (*bổ nhiệm và được Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt ngày 19/4/2019*)

Ông Chetan Prakash Baxi

Chủ tịch (*từ nhiệm ngày 16/4/2019 và được ĐHCĐ phê duyệt ngày 19/4/2019*)

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Phó Chủ tịch thứ nhất (*bổ nhiệm và được HDQT phê duyệt ngày 19/4/2019*)

Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang

Thành viên (*từ nhiệm ngày 13/12/2019*)

Ông Nguyễn Văn Thắng

Thành viên

Ông Craig Richard Bradshaw

Thành viên (*bổ nhiệm và được ĐHCĐ phê duyệt ngày 19/4/2019*)

Ông Dominic John Heaton

Thành viên (*từ nhiệm ngày 26/7/2018 và được ĐHCĐ phê duyệt ngày 19/4/2019*)

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw

Tổng Giám đốc

Ông Stuart James Wells

Giám đốc Tài chính (*từ ngày 7/3/2019*)

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 22 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00167-20-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2020

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 +150)	100		711.706.777	47.959.283
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.273.418	3.288.566
Tiền	111		273.418	234.588
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000	3.053.978
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		707.433.359	44.670.717
Phải thu ngắn hạn khác	136	5	707.433.359	44.670.717
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250)	200		12.454.770.460	12.495.844.635
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000.000	7.355.509.062
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	-	3.945.518.100
Phải thu dài hạn khác	216	5	3.000.000.000	3.409.990.962
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.950)	(137.950)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.454.770.460	5.140.335.573
Đầu tư vào công ty con	251	7	9.454.770.460	5.140.335.573
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.166.477.237	12.543.803.918

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.068.983.519	3.098.253.712
Nợ ngắn hạn	310		68.983.519	57.179.537
Phải trả người bán ngắn hạn	311		330.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		6.860.237	136.840
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	48.986.812	41.014.278
Phải trả ngắn hạn khác	319	9	12.806.470	16.028.419
Nợ dài hạn	330		3.000.000.000	3.041.074.175
Phải trả dài hạn khác	337	9	-	541.074.175
Vay và trái phiếu phát hành	338	10	3.000.000.000	2.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.097.493.718	9.445.550.206
Vốn chủ sở hữu	410	11	10.097.493.718	9.445.550.206
Vốn cổ phần	411	12	9.892.398.780	8.993.091.220
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		9.892.398.780	8.993.091.220
Thặng dư vốn cổ phần	412	12	145.709.384	145.709.384
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.385.554	306.749.602
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		-	304.991.903
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		59.385.554	1.757.699
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.166.477.237	12.543.803.918

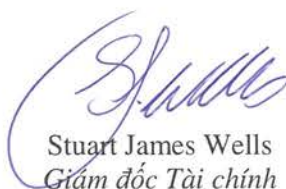
Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 Nghìn VND	2018 Nghìn VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	941.356.833	44.669.471
Chi phí tài chính	22	14	279.184.198	40.756.034
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.368.886	2.165.738
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		658.803.749	1.747.699
Thu nhập khác	31		-	10.000
Chi phí khác	32		501.547	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)			(501.547)	10.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		658.302.202	1.757.699
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	6.358.690	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		651.943.512	1.757.699

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 Nghìn VND	2018 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		658.302.202	1.757.699
Điều chỉnh cho các khoản				
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(941.356.833)	(44.669.471)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06		279.184.198	40.619.178
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(3.870.433)	(2.292.594)
Biến động các khoản phải thu	09		-	2.242.378
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(2.527.342)	2.800.367
			(6.397.775)	2.750.151
Tiền lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14		(271.211.564)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(277.609.339)	2.750.151
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”)	23		(500.000.000)	(2.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		3.945.518.100	-
Góp vốn vào công ty con	25		(4.314.434.887)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		647.510.978	54.796
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(221.405.809)	(2.499.945.204)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 Nghìn VND	2018 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		500.000.000	2.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		500.000.000	2.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		984.852	2.804.947
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		3.288.566	483.619
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	4.273.418	3.288.566

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 3 nhân viên (1/1/2019: 2 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(h) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(i) Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(l) Thu nhập từ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Tiền gửi ngân hàng	273.418	234.588
Các khoản tương đương tiền	4.000.000	3.053.978
	4.273.418	3.288.566

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn		
Phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD (a)	49.962.111	44.598.599
Phân phối lợi nhuận (b)	657.409.101	-
Phải thu ngắn hạn khác	62.147	72.118
	707.433.359	44.670.717
Phải thu dài hạn		
Chi phí đi vay cấp cho NPM (c)	-	909.990.962
Phải thu theo HĐHTKD (d)	3.000.000.000	2.500.000.000
	3.000.000.000	3.409.990.962

- (a) Khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) và Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (Thuyết minh 5(d)).
- (b) Khoản này thể hiện lợi nhuận phân phối phải thu từ công ty con.
- (c) Chi phí đi vay cấp cho một bên liên quan không có đảm bảo và không chịu lãi. Trong năm 2019, Công ty, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất và NPM đã ký kết thỏa thuận 3 bên để bù trừ khoản phải trả và phải thu giữa các công ty này trị giá 541.074 triệu VND (Thuyết minh 9(b)). Số dư còn lại trị giá 368.917 triệu VND đã được thanh toán đầy đủ bởi một bên liên quan trong năm.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (d) Các khoản phải thu dài hạn khác theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho NPM theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 4 lần theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là ba mươi sáu (36) tháng, sáu mươi (60) tháng và sáu mươi (60) tháng kể từ khi NPM nhận được tiền từ HĐHTKD lần lượt vào tháng 9 năm 2018, tháng 11 năm 2018 và tháng 5 năm 2019. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản phải thu dài hạn khác theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho MTC theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 2 lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD vào tháng 11 năm 2018. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

6. Phải thu về cho vay dài hạn

Phải thu về cho vay dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 phản ánh khoản phải thu về cho vay từ MRTN – một công ty con, không được đảm bảo và không chịu lãi suất. Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay. Trong năm 2019, công ty con đã hoàn trả bằng tiền mặt toàn bộ khoản vay dài hạn này.

7. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Đầu tư vào Công ty TNHH				
MTV Tài Nguyên Masan				
Thái Nguyên (“MRTN”)	9.454.770.460	(*)	5.140.335.573	(*)

MRTN là một công ty cổ phần đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 100%).

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	Ngàn VND	Ngàn VND
Tiền lãi vay phải trả	48.591.812	40.619.178
Chi phí phải trả khác	395.000	395.100
	<hr/>	<hr/>
	48.986.812	41.014.278

9. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	Ngàn VND	Ngàn VND
Ngắn hạn:		
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ cấp trung gian		
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con		
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	10.294.685	10.294.685
Phải trả khác cho các bên thứ ba		
Phải trả khác – ngắn hạn	-	3.221.949
	<hr/>	<hr/>
	12.806.470	16.028.419

Dài hạn:

**Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) –
công ty mẹ cấp cao nhất**

Chi phí tài chính – dài hạn (b)	-	541.074.175
---------------------------------	---	-------------

- (a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.
- (b) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và sẽ được thanh toán trong tháng 12 năm 2020. Như đã trình bày tại Thuyết minh 5(c), trong năm 2019, Công ty, MSN và NPM đã ký kết thỏa thuận 3 bên để bù trừ khoản phải trả và phải thu giữa các công ty này.

10. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

		Năm	31/12/2019	1/1/2019
		đáo hạn	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn				
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(a)	2021	1.000.000.000	1.000.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(b)	2023	1.500.000.000	1.500.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(c)	2024	500.000.000	-
			<hr/>	
			3.000.000.000	2.500.000.000

(a) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,58% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 5(d)).

(b) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 15,65% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM và MTC (Thuyết minh 5(d)).

(c) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,62% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 5(d)).

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.194.473.280	1.944.327.324	304.991.903	9.443.792.507
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.757.699	1.757.699
Phát hành cổ phiếu thưởng	1.798.617.940	(1.798.617.940)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.993.091.220	145.709.384	306.749.602	9.445.550.206
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	651.943.512	651.943.512
Phát hành cổ phiếu thưởng	899.307.560	-	(899.307.560)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	9.892.398.780	145.709.384	59.385.554	10.097.493.718

12. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	989.239.878	9.892.398.780	899.309.122	8.993.091.220
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	989.239.878	9.892.398.780	899.309.122	8.993.091.220
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	989.239.878	9.892.398.780	899.309.122	8.993.091.220
Thặng dư vốn cổ phần	-	145.709.384	-	145.709.384

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2019		2018	
	Số cổ phiếu	Ngàn VND	Số cổ phiếu	Ngàn VND
Vốn cổ phần đã phát hành				
Số dư đầu năm	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
Phát hành cổ phiếu thưởng	89.930.756	899.307.560	179.861.794	1.798.617.940
Số dư cuối năm	989.239.878	9.892.398.780	899.309.122	8.993.091.220
Thặng dư vốn cổ phần				
Số dư đầu năm	-	145.709.384	-	1.944.327.324
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	-	-	(1.798.617.940)
Số dư cuối năm	-	145.709.384	-	145.709.384

Ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty công bố kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng bằng cách tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã được thông qua theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 75/2019/NQ-ĐHĐCĐ. Tại ngày chốt sổ cổ đông, ngày 18 tháng 11 năm 2019 mỗi cổ đông phổ thông hiện hành nắm giữ 100 cổ phiếu đã được nhận 10 cổ phiếu thưởng. Ngày 22 tháng 11 năm 2019, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng để tăng 899.307.560,000 vốn cổ phần tương ứng với 89.930.756 cổ phiếu từ vốn chủ sở hữu. Ngày 12 tháng 12 năm 2019, Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 845/QĐ-SGDHN phê duyệt việc tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu với 89.930.756 cổ phiếu.

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019	2018
	Ngàn VND	Ngàn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	138.714	70.872
Thu nhập từ phân phối lợi nhuận	657.409.101	-
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	283.809.018	44.598.599
	941.356.833	44.669.471

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí tài chính**

	2019 Nghìn VND	2018 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	278.460.274	40.619.178
Chi phí đi vay	723.924	136.856
	<hr/> 279.184.198	<hr/> 40.756.034

15. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2019 Nghìn VND	2018 Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	658.302.202	1.757.699
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	131.660.440	351.540
Chi phí không được khấu trừ thuế	100.309	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.079.761	-
Thu nhập không bị tính thuế	(131.481.820)	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(351.540)
	<hr/> 6.358.690	<hr/> -

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty lần lượt tương đương với 146.358 triệu VND (1/1/2019: 282.090 triệu VND) và 750.000 triệu VND (1/1/2019: 1.499.990 triệu VND).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2019 Nghìn VND	2018 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần	Lãi trái phiếu	89.829.756	17.260.159
Tập đoàn Masan (“MSV”)	Bù trừ khoản phải trả MSN và khoản phải thu NPM	541.074.175	-
Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Lãi trái phiếu	6.052.234	-
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	500.000.000	2.500.000.000
Các công ty con			
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên	Góp vốn	4.314.434.887	-
	Thu hồi khoản thu về cho vay dài hạn	3.945.518.100	-
	Thu hồi chi phí đi vay	368.916.787	-
	Phân phối lợi nhuận	657.409.101	-
	Chuyển khoản phải thu NPM sang khoản phải thu MRTN	368.916.787	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	182.341.639	32.922.901
	Góp vốn cho HĐHTKD	500.000.000	1.500.000.000
	Chuyển khoản phải thu NPM sang khoản phải thu MRTN	368.916.787	-
	Bù trừ khoản phải thu NPM và khoản phải trả MSN	541.074.175	-
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	101.467.379	11.675.698
	Góp vốn cho HĐHTKD	-	1.000.000.000

(*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2019	2018
	Ngàn VND	Ngàn VND
Bù trừ khoản phải trả MSN và khoản lãi vay phải thu NPM	541.074.175	-

18. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

